TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 305/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 04 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 449/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Minh N**, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Số 266/3, ấp B, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Số 266/3, ấp B, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Y tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/02/2012 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 26/11/2024, ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Y tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 14/01/2013. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận ông Nguyễn Minh N sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Nguyễn Thị Y cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Y cùng khai

không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Y cùng khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Y phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Y tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Minh N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 14/01/2013. Ghi nhận ông Nguyễn Minh Ngân không yêu cầu bà Nguyễn Thị Y cấp dưỡng nuôi con. Bà Y được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Y cùng khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Y cùng khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Y phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Nguyễn Minh N và bà Nguyễn Thị Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005342 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông N và bà Y đã thực hiện xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- UBND xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Hoàng Út